

Bản án số: 121/2018/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 10 - 2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trà Thị Thanh Thắm.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Đào.

Ông Trần Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Kim Thắng** -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hà**-Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 103/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Ánh L**, sinh năm 1994.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Quảng Đ**, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Thôn 02, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn chị L có mặt; Bị đơn anh **Nguyễn Quảng Đ** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Phạm Thị Ánh L** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Nguyễn Quảng Đ** đã tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn anh, chị về sống chung cùng gia đình anh Đ tại thôn 02, xã T. Trong thời gian sống chung giữa chị và anh Đ thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, biết được anh Đ sử

dụng ma túy nên chị nhiều lần khuyên bảo để anh Đ cai nghiện và vợ chồng hòa thuận làm ăn nuôi con nhưng anh Đ không thể tự cai nghiện được. Thời gian đầu năm 2018 đến nay, khi sử dụng ma túy thì anh có hành vi đánh đập chị, nhiều lần chị phải nhờ đến chính quyền địa phương can thiệp. Nay chị xét thấy không thể tiếp tục chung sống với anh Đ nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Quảng Đ có một người con chung là cháu Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 25/12/2014. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nhận nuôi cháu Kh đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, lời khai có tại hồ sơ vụ án, bị đơn anh Nguyễn Quảng Đ trình bày:

Anh thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn chị Phạm Thị Ánh L, anh thừa nhận cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị L sau khi kết hôn có xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên đó chỉ là những mâu thuẫn rất nhỏ trong cuộc sống hằng ngày, anh không đánh đập chị L thường xuyên như lời chị L khai báo. Bản thân anh vẫn còn yêu thương chị L và cháu Kh nên anh không thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về con chung: Cháu Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 25/12/2014 là con chung của anh và chị L, sau khi ly hôn anh đề nghị được nhận nuôi cháu Kh đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị Ánh L. Xử cho chị L được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Giao cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung chưa thành niên, cháu Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 25/12/2014, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Quảng Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ánh L và chị Nguyễn Quảng Đ kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T Phước, tỉnh Quảng Nam. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ nguyên nhân anh Đ là đối tượng đang nghiện ma túy, thường xuyên chơi bời, tụ tập bạn bè sử dụng ma túy, không quan tâm đến gia đình, thời gian gần đây anh có hành vi đánh đập chị L. Qua xác minh tình trạng mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa chị L và anh Đ tại Ban chấp hành Hội phụ nữ xã T thể hiện: Cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh Đ có xảy ra mâu thuẫn như chị L khai báo là thực tế. Anh Nguyễn Quảng Đ là đối tượng nghiện ma túy nên thời gian gần đây anh Đ có hành vi đánh đập chị L.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa anh Đ và chị L đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung của anh, chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa nguyên đơn chị L giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Đ. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Ánh L.

[2] Về con chung: Con chung của chị Phạm Thị Ánh L và anh Nguyễn Quảng Đ là cháu Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 25/12/2014 hiện nay đang được chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặc dù tại bản tự khai do anh Đ viết vào ngày 21/8/2018, anh đề nghị được nhận nuôi cháu Kh nếu chị L cương quyết ly hôn. Nhưng xét thấy, bản thân anh Đ là đối tượng nghiện ma túy, hiện nay đang tập trung cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Quảng Nam. Vì vậy, không thể giao cháu Kh cho anh Đ nuôi dưỡng được. Xét thấy, việc giao cháu Nguyễn Anh Kh cho chị Phạm Thị Ánh L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là cần thiết, phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nguyên đơn chị Phạm Thị Ánh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị Ánh L phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị Ánh L, xử cho chị Phạm Thị Ánh L được ly hôn với anh Nguyễn Quảng Đ.

2.Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Ánh L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục người con chung chưa thành niên, cháu Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 25/12/2014 đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Quảng Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Ánh L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng y) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng y) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam theo biên lai thu số 0018720 lập ngày 14 tháng 8 năm 2018. Chị L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/10/2018) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiên Phước;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- CCTHA huyện Tiên Phước;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu hồ sơ + án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Trà Thị Thanh Thắm